

HÓA ĐƠN ĐI CHỢ

Bữa ăn: Sáng - Trưa - Xế (Sáng - Trưa - Phụ - Xế)
Độ tuổi: Nhà trẻ (18 – 36 tháng)
Số trẻ: 32
Số tiền mỗi trẻ: 37,000

Thực đơn:
Sáng: Phở thịt bò, cà rốt, hành tây, xà lách búp, ngô gai
- Uống sữa Netsure
Trưa: Cơm trắng
- Thịt gà kho củ cải, nấm rơm, hành lá
- Canh khoai mỡ nấu tôm tươi, ngô rí, hành lá
Xế: Sữa chua
Xế chiều: Bún gạo nấu sườn heo, mướp, đu đủ, cải thảo, hành lá, ngô rí

Stt	Mã hàng	Tên thực phẩm	Khối lượng thực (g)	Đơn giá (đồng/100g)	Thành tiền (đồng)
	* CHỢ				
1	0695	Dầu thực vật Tường An	400	3,140	12,560
2	0494	Đường cát	200	3,880	7,760
3	0523	Nước mắm loại I	200	4,400	8,800
4	N0966	Muối Iot	200	740	1,480
5	0004	Gạo tẻ máy	2,000	2,560	51,200
6	0120	Hành lá (hành hoa)	100	5,250	5,250
7	0164	Rau mùi (ngò rí)	50	8,720	4,360
8	0645	Bánh phở khô	400	8,800	35,200
9	0286	Thịt bò loại II	500	37,280	186,400
10	0089	Cà rốt	200	5,570	11,140
11	0121	Hành tây	100	3,680	3,680
12	0172	Rau xà lách	100	5,990	5,990
13	0165	Rau mùi tàu (ngô gai)	50	6,510	3,255
14	N0772	Thịt ức gà	1,200	12,920	155,040
15	0103	Củ cải trắng	200	3,050	6,100
16	0211	Nấm rơm	100	14,180	14,180
17	0751	Khoai mỡ	800	5,040	40,320
18	0424	Tôm sú	500	36,540	182,700
19	N0779	Cải bó xôi	0	7,980	0
20	0653	Bún khô	400	5,720	22,880
21	0335	Sườn heo	250	25,940	64,850
22	0136	Mướp	200	4,200	8,400
23	0115	Đu đủ xanh	200	3,680	7,360
24	0191	Cải thảo	100	3,990	3,990
25	N0770	Thịt nạc dăm	400	18,800	75,200

26	0457	Sữa bột toàn phần	560.32	20,500	114,866
27	0455	Sữa chua	1,600	9,440	151,040
Tổng cộng					1,184,001

Tổng tiền thực phẩm	1,184,001
Tổng chi phí khác	0
Tiền được chi trong ngày	1,184,000
Số dư đầu ngày	0
Số dư cuối ngày	-1
Suất ăn lũy kế từ đầu tháng	0
Tiêu chuẩn lũy kế từ đầu tháng	14,319,000
Tiền chi lũy kế từ đầu tháng	13,134,995

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

CẤP DƯỠNG

KẾ TOÁN

Nguyễn Thị Huỳnh Lê

Nguyễn Thị Mỹ

Ngô Thị Ngọc Lan